

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 57/2004/TT-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 17 tháng 6 năm 2004

THÔNG TƯ

Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

Thi hành Nghị định số 144/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ về chứng khoán và thị trường chứng khoán (Nghị định số 144/2003/NĐ-CP), Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Đối tượng công bố thông tin

Đối tượng công bố thông tin bao gồm: Tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết, công ty quản lý quỹ, công ty chứng khoán và Trung tâm Giao dịch Chứng khoán (TTGDCK) hoặc Sở giao dịch chứng khoán (SGDCK).

2. Yêu cầu thực hiện công bố thông tin

2.1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, kịp thời và chính xác theo qui định của pháp luật.

2.2. Việc công bố thông tin của tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết, công ty quản lý quỹ, công ty chứng khoán phải do Tổng Giám đốc (Giám đốc) hoặc nhân viên công bố thông tin được uỷ quyền thực hiện. Tổng Giám đốc (Giám đốc) phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin do nhân viên công bố thông tin được uỷ quyền công bố.

Tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết, công ty quản lý quỹ, công ty chứng khoán phải đăng ký uỷ quyền thực hiện công bố thông tin cho TTGDCK hoặc SGDCK theo Mẫu CBTT-01 kèm theo Thông tư này. Trường hợp thay đổi nhân viên công bố thông tin phải thông báo bằng văn bản cho TTGDCK hoặc SGDCK ít nhất 05 ngày làm việc trước khi có sự thay đổi.

2.3. Tổ chức phát hành, TTGDCK hoặc SGDCK khi thực hiện công bố thông tin phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN).

Tổ chức niêm yết, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ khi thực hiện công bố thông tin phải đồng thời báo cáo UBCKNN, TTGDCK hoặc SGDCK.

3. Phương tiện công bố thông tin

Việc công bố thông tin được thực hiện qua các phương tiện thông tin đại chúng, các ấn phẩm của tổ chức, công ty và các phương tiện công bố thông tin của TTGDCK hoặc SGDCK.

Các tài liệu, báo cáo gửi cho UBCKNN, TTGDCK hoặc SGDCK được thể hiện dưới hình thức văn bản. Đối với báo cáo tài chính quý, năm, báo cáo thường niên ngoài hình thức văn bản, tổ chức phát hành, niêm yết, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ gửi kèm theo đĩa lưu giữ thông tin hoặc gửi file theo địa chỉ do UBCKNN, TTGDCK hoặc SGDCK qui định.

4. Bảo quản, lưu giữ thông tin

Các đối tượng công bố thông tin thực hiện bảo quản, lưu giữ thông tin đã báo cáo, công bố theo qui định của pháp luật.

II. CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết công bố thông tin định kỳ

1.1. Tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết công bố thông tin định kỳ theo quy định tại Điều 52 Nghị định số 144/2003/NĐ-CP.

1.2. Công bố thông tin về báo cáo tài chính năm được qui định cụ thể như sau:

1.2.1. Ngày hoàn thành báo cáo tài chính năm được tính từ ngày tổ chức kiểm toán được chấp thuận ký báo cáo kiểm toán. Thời hạn hoàn thành báo cáo tài chính năm chậm nhất là 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Thời hạn báo cáo và công bố thông tin chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày hoàn thành báo cáo tài chính năm.

1.2.2. Nội dung công bố thông tin về báo cáo tài chính năm bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính theo qui định của pháp luật về kế toán.

1.2.3. Tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết phải công bố Báo cáo Thường niên được thực hiện theo Mẫu CBTT-02 kèm theo Thông tư này đồng thời với công bố báo cáo tài chính năm.

1.2.4. Báo cáo tài chính năm, Báo cáo Thường niên của tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết được công bố trên các ấn phẩm của tổ chức đó và lưu trữ ít nhất 02 năm tại trụ sở chính của tổ chức để nhà đầu tư tham khảo.

1.2.5. Tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết công bố báo cáo tài chính năm tóm tắt theo Mẫu CBTT-03 kèm theo Thông tư này trên 03 số báo liên tiếp của một tờ báo Trung ương hoặc một tờ báo địa phương nơi tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết đóng trụ sở chính hoặc thông qua phương tiện công bố thông tin của TTGDCK hoặc SGDCK.

1.3. Công bố thông tin về báo cáo tài chính quý, 06 tháng:

1.3.1. Thời hạn hoàn thành báo cáo tài chính quý chậm nhất là 20 ngày đầu của quý tiếp theo. Thời hạn báo cáo và công bố thông tin chậm nhất là 05 ngày kể từ ngày hoàn thành báo cáo tài chính quý, 06 tháng. Báo cáo tài chính quý không phải kiểm toán. Báo cáo tài chính 06 tháng được gộp trong báo cáo quý II, không phải lập báo cáo riêng.

1.3.2. Nội dung công bố thông tin về báo cáo tài chính quý, 06 tháng của tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

1.3.3. Báo cáo tài chính quý, 06 tháng của tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết được công bố trên các ấn phẩm của tổ chức đó và lưu trữ ít nhất cho đến cuối năm tài chính tại trụ sở chính của tổ chức để nhà đầu tư tham khảo.

1.3.4. Tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết công bố báo cáo tài chính quý, 06 tháng tóm tắt theo Mẫu CBTT-03 kèm theo Thông tư này thông qua phương tiện công bố thông tin của TTGDCK hoặc SGDCK.

1.4. Công bố thông tin về báo cáo tài chính trường hợp nhận vốn góp, góp vốn vào tổ chức khác:

1.4.1. Trường hợp tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết sở hữu từ 50% trở lên vốn cổ phần, vốn góp của một tổ chức khác hoặc tổ chức khác nắm giữ 50% trở lên vốn cổ phần, vốn góp của tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết thì nội dung công bố thông tin về báo cáo tài chính hàng năm, 06 tháng, quý phải có nội dung của một trong các báo cáo sau:

- Báo cáo tài chính hợp nhất; hoặc
- Báo cáo tài chính của tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và báo cáo tài chính của tổ chức bị sở hữu hoặc nhận vốn góp; hoặc
- Báo cáo tài chính của tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và báo cáo tài chính của tổ chức nắm giữ.

1.4.2. Trường hợp đến thời hạn công bố thông tin theo qui định mà tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết chưa có báo cáo tài chính đầy đủ của tổ chức bị sở hữu, nhận vốn góp hoặc nắm giữ thì phải báo cáo UBCKNN, TTGDCK hoặc SGDCK lý do chậm trễ, thời điểm công bố báo cáo đầy đủ.

Tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết công bố kết quả sản xuất kinh doanh đã có của tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và phải nêu rõ:

"Nội dung công bố thông tin này chưa bao gồm kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của (nêu cụ thể tên tổ chức bị sở hữu, nhận góp vốn hoặc nắm giữ)".

2. Tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết công bố thông tin bất thường

2.1. Tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết công bố thông tin bất thường theo quy định tại Điều 53 Nghị định số 144/2003/NĐ-CP.

2.2. Những biến động lớn liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty phải công bố theo qui định tại Điểm a Khoản 1 Điều 53 Nghị định số 144/2003/NĐ-CP bao gồm:

2.2.1. Tài khoản tại ngân hàng bị đình chỉ giao dịch, bị phong toả; hoặc lệnh phong toả đã được huỷ bỏ và tài khoản đã được phép hoạt động trở lại;

2.2.2. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép hoạt động bị thu hồi;

2.2.3. Quyết định của Hội đồng quản trị thay đổi chế độ kế toán áp dụng;

2.2.4. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về việc chi trả cổ tức; hoặc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng thành viên về việc sửa đổi, bổ sung điều lệ, tái cơ cấu lại công ty, các chỉ tiêu và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm;

2.2.5. Các Nghị quyết khác của Đại hội đồng cổ đông;

2.2.6. Khoản nợ đến hạn có giá trị từ 10% trở lên vốn cổ phần hoặc vốn góp không có khả năng thanh toán;

2.2.7. Quyết định đầu tư vốn cổ phần từ 10% trở lên vào một tổ chức khác;

2.2.8. Quyết định cho vay hoặc đầu tư vào trái phiếu từ 30% trở lên vốn cổ phần hoặc vốn góp của một tổ chức khác;

2.2.9. Có bằng phát minh sáng chế; bản quyền về công nghệ mới hay hợp tác kỹ thuật ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty;

2.2.10. Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty bị ngừng quá 01 tháng; bị đình chỉ hoặc khi hoạt động trở lại;

2.2.11. Sản phẩm của công ty bán ra trên thị trường có quyết định đình chỉ tiêu thụ; bị thu hồi có thời hạn với giá trị từ 10% trở lên vốn cổ phần;

2.2.12. Quyết định mở hoặc đóng cửa công ty trực thuộc, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện của công ty;

2.2.13. Quyết định thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính công ty, công ty trực thuộc, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện của công ty;

2.2.14. Triệu tập đại hội cổ đông (địa điểm tổ chức, thời gian, chương trình đại hội, điều kiện và thành phần tham dự);

2.2.15. Quyết định thay đổi nhân sự có liên quan đến Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng, Ban Kiểm soát.

2.3. Tổ chức phát hành phải báo cáo bằng văn bản cho UBCKNN; tổ chức niêm yết phải báo cáo bằng văn bản cho UBCKNN, TTGDCK hoặc SGDCK về các sự kiện qui định tại Điểm 2.1, Điểm 2.2 Khoản 2 Mục II nêu trên trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy